

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HSST
Ngày 16/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh X Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn - Cán bộ hưu trí phường Hòa Mạc;

2. Bà Đỗ Thị Liên - Cán bộ hưu trí phường Hòa Mạc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị L Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D: Ông Phạm Minh Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Bùi Thanh X (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị Hải Y; vợ: Hoàng Thị Thu H; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 29/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Doãn S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Ông Vũ H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Thận Y, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Lê Tuyết L, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn Thận Y, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Bùi Thanh X, sinh năm 1995 trú tại tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam cho vay tiền lấy lãi suất nên đầu tháng 01/2023, do cần tiền làm ăn, anh Bùi Doãn S, sinh năm 1974 ở thôn T, xã S, thị xã D, tỉnh Hà Nam sử dụng điện thoại số thuê bao 0983.735.429 gọi điện thoại di động cho X có số thuê bao 0382.195.888 hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, X đồng ý và thống nhất cho anh S vay tiền với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, anh Sinh đồng ý. X hẹn gặp anh S tại đoạn đường thuộc tổ dân phố X, phường B, thị xã D để cho vay tiền. Khi gặp nhau, X yêu cầu anh Sinh viết giấy vay số tiền 30.000.000 đồng. X cầm giấy vay tiền của anh S rồi đưa cho anh S số tiền 26.400.000 đồng và bảo anh S là X cắt lãi trước 01 tháng tương ứng số tiền 3.600.000 đồng. Sau đó, hàng tháng anh S đều dùng tài khoản ngân hàng Vietcombank số: 1018489636 của anh S chuyển tiền lãi 3.600.000 đồng/01 tháng đến tài khoản ngân hàng BIDV số: 12310000804234 của X. Tính đến ngày 30/11/2023, số tiền lãi anh S đã trả X là 39.600.000 đồng (tương đương 11 tháng).

Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay 30.000.000đ trên là 5.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Bùi Thanh X thu lợi bất chính của anh S là: $39.600.000 - 5.500.000 = 34.100.000$ đồng.

Tiếp đó, ngày 17/3/2023, do cần tiền nên chị Lê Tuyết L, sinh năm 1973 ở thôn Thận Y, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam đã nhờ ông Vũ H, sinh năm 1960 ở thôn Thận Y, xã Y, thị xã D gọi điện cho Bùi Thanh X để vay hộ chị L số tiền 30.000.000 đồng, do quen biết với chị L nên ông H đồng ý. Sau đó, ông H gọi điện vào số điện thoại của X số 0382.195.888 hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng thì X đồng ý cho ông H vay với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày và hạn trả lãi vào ngày 17 hàng tháng, ông H nói lại với chị L mức lãi suất X cho vay như trên thì chị L đồng ý. Sau đó, X hẹn gặp ông H ở Đình Tráng thuộc địa phận thôn T, xã Y, thị xã D và yêu cầu ông H cầm theo Căn cước công dân để vay tiền. Tại đây, ông H viết giấy vay X số tiền 30.000.000 đồng và đưa cho X Căn cước công dân của mình, X giữ giấy vay tiền và Căn cước công dân của ông H rồi đưa cho ông H số tiền 26.400.000 đồng và bảo với ông H do X đã lấy lãi trước của 01 tháng tương đương với số tiền là 3.600.000 đồng, nhận tiền xong ông H mang số tiền 26.400.000 đồng về đưa cho chị L. Tháng đầu tiên, chị L đưa cho ông H 3.600.000 đồng tiền mặt rồi ông H mang số tiền này trực tiếp trả lãi cho X, từ những tháng tiếp theo, chị L trực tiếp chuyển tiền lãi hàng tháng từ tài khoản ngân hàng Viettinbank số: 102884125999 của chị L đến tài khoản ngân hàng BIDV số: 12310000804234 của X. Đến ngày 10/10/2023, do cần sử dụng đến Căn cước công

dân nên ông H yêu cầu chị L thanh toán hết tiền gốc và tiền lãi cho X để ông H lấy Căn cước công dân về. Chị L đã trả X 07 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 25.200.000đ. Tiền lãi tháng 10/2023 đã được trả vào tháng 9/2023 nên khi thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi cho X vào ngày 10/10/2023 thì thực tế tiền lãi đã được trả thừa 07 ngày tiền lãi tương đương với số tiền 840.000 đồng (120.000 đồng/01 ngày) nên số tiền 840.000 đồng sẽ được trừ vào tiền gốc. Vì vậy ông H chỉ phải trả cho X tiền gốc là $30.000.000 - 840.000đ = 29.160.000$ đồng, X bảo ông H chỉ lấy tròn 29.000.000 đồng. Sau đó, ông H về nhà báo cho chị L biết, chị L xin X 2.000.000đ nh X không đồng ý. Chị L đưa cho ông H số tiền 27.000.000 đồng rồi ông H mang số tiền này trực tiếp trả cho X và nợ lại X 2.000.000 đồng tiền gốc, X nhận tiền rồi đưa lại giấy vay tiền cùng Căn cước công dân cho ông H, X không tính lãi nữa.

Tính đến ngày 10/10/2023 (tương ứng 06 tháng 23 ngày), số tiền lãi X thu được từ việc cho ông H vay là 24.360.000 đồng. Lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay 30.000.000đ trên là 3.383.000 đồng. Như vậy tổng số tiền Bùi Thanh X thu lợi bất chính của chị L là: $24.360.000 \text{ đồng} - 3.383.000 \text{ đồng} = 20.977.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền X thu lợi bất chính từ việc cho chị L và anh Sinh vay tiền là: $20.977.000 \text{ đồng} + 34.100.000 \text{ đồng} = 55.077.000 \text{ đồng}$.

* Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Thanh X tại TDP Đ, phường C, thị xã D, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D: Không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Về nguồn gốc số tiền 30.000.000đ X cho anh Sinh vay và số tiền 30.000.000đ X cho ông H vay: X khai nhận do lao động mà có.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 14 lắp số thuê bao 0382.195.888 Bùi Thanh X dùng để liên lạc cho vay tiền và đòi tiền lãi: X khai nhận trong quá trình sử dụng đã bị rơi mất nên không có căn cứ xác minh, thu giữ.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Quang Trung có công văn trả lời như sau: Số tài khoản 12310000804234 chủ tài khoản là Bùi Thanh X có địa chỉ tại phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam

Tiến hành kiểm tra điện thoại Iphone Xsmax có số thuê bao 0946.411.973 của chị Lê Tuyết L và kiểm tra điện thoại Iphone Xsmax có số thuê bao 0983.735.429 của anh Bùi Doãn S, Cơ quan điều tra xác định: Chị L là chủ tài khoản 102884125999 tại ngân hàng Viettinbank và anh S là chủ tài khoản Vietcombank số 1018489636, đồng thời thể hiện có việc chị L, anh Sinh có chuyển tiền đến số tài khoản 12310000804234 ngân hàng BIDV của Bùi Thanh X.

Về trách nhiệm dân sự: Anh S, chị L đề nghị xử lý số tiền lãi anh S, chị L đã trả cho X theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 42/CT-VKS-DT ngày 24/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo hình phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp và tuyên án phí đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt thấp nhất và không tranh luận gì; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, ban hành các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích thu lời bất chính nên trong thời gian từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 11/2023, Bùi Thanh X đã cho một số người vay tiền với mức lãi suất cao vượt quá mức quy định của nhà nước, cụ thể như sau:

Đầu tháng 01/2023 Bùi Thanh X cho anh Bùi Doãn S vay số tiền 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, hàng tháng anh Sinh phải trả 3.600.000 đồng, tương đương lãi suất 144%/năm (gấp 7,2 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), từ tháng 01/2023 đến tháng 11/2023 (11 tháng) X đã thu lợi bất chính của anh S tổng số tiền là lãi là **34.100.000** đồng.

Tiếp đó, ngày 17/3/2023 tại thôn Thận Y, xã Y, thị xã D, Bùi Thanh X cho ông Vũ H vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01

ngày, tương đương lãi suất 144%/năm (gấp 7,2 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Do ông H vay hộ chị Lê Tuyết L nên hàng tháng chị L phải trả tiền lãi cho X. Tính thời điểm từ ngày 17/3/2023 đến ngày 10/10/2023 (06 tháng 23 ngày) X đã thu lợi bất chính của chị L tổng số tiền là **20.977.000** đồng. Như vậy, tổng số tiền X thu lợi bất chính của anh Sinh và chị L là **55.077.000** đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Thanh X gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 42/CT-VKS-DT ngày 24/3/2024 của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Bùi Thanh X không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu với quy định của pháp luật, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Như đã nhận định trên, bị cáo Bùi Thanh X là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình tại ngoại, bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không vi phạm pháp luật. Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo mà chỉ cần xử phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo Bùi Thanh X được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên HĐXX không áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự để phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về đối tượng khác trong vụ án: Đối với ông Vũ H, sinh năm 1960 trú tại thôn Thận Y, xã Y, thị xã D là người được chị Lê Tuyết L nhờ vay hộ của Bùi Thanh X số tiền 30.000.000 đồng: Quá trình điều tra xác định số tiền lãi mà X thu được của chị L, X đã sử dụng vào mục đích cá nhân, ông H không thống nhất với X để ăn chia số tiền thu lời bất chính nêu trên. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về Biện pháp tư pháp: Như đã nhận định, hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Bùi Thanh X là giao dịch trái pháp luật nên HĐXX căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự để xử lý, cụ thể:

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc mà bị cáo Bùi Thanh X đã cho anh Bùi Doãn S vay. Tuy nhiên, khoản tiền này anh Sinh chưa trả bị cáo nên cần truy thu khoản tiền này để sung quỹ nhà nước. Đối với khoản tiền gốc mà bị cáo Bùi Thanh X đã cho chị Lê Tuyết L vay thông qua ông Vũ H. Chị L đã trả bị cáo X số tiền 28.000.000 đồng tiền gốc và vẫn nợ lại X tiền gốc là 2.000.000 đồng. Nay HĐXX cần truy thu của chị L số tiền 2.000.000 đồng trên để sung quỹ nhà nước.

- Về khoản tiền bị cáo Bùi Thanh X thực tế đã thu lãi của anh Bùi Doãn S và chị Lê Tuyết L, HĐXX xét thấy:

- + Đối với khoản tiền lãi cao nhất theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự là 20% /năm (của khoản tiền vay 30.000.000 đồng cho anh Bùi Doãn S vay), tương đương với số tiền 5.500.000 đồng; (của khoản tiền vay 30.000.000 đồng cho chị Lê Tuyết L vay), tương đương với số tiền 3.383.000 đồng mà bị cáo đã thu của anh Sinh và chị L. Tổng số tiền là 8.883.000 đồng, HĐXX xác định đây là khoản thu lợi bất chính của bị cáo nên cần truy thu của bị cáo Bùi Thanh X để sung quỹ Nhà nước.

- + Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% (của khoản tiền vay 30.000.000 đồng), tương đương số tiền là 34.100.000 đồng mà bị cáo đã thu của anh Bùi Doãn S cần truy thu của bị cáo Bùi Thanh X để trả lại cho anh Bùi Doãn S.

- + Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% (của khoản tiền vay 30.000.000 đồng), tương đương số tiền là 20.977.000 đồng mà bị cáo đã thu của chị Lê Tuyết L cần truy thu của bị cáo Bùi Thanh X để trả lại cho chị Lê Tuyết L.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh X phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh X 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự;

- Truy thu của bị cáo Bùi Thanh X tổng số tiền 90.960.000 đồng để:
 - + Sung quỹ Nhà nước số tiền 36.883.000 đồng.
 - + Trả lại anh Bùi Doãn S số tiền: 34.100.000 đồng.
 - + Trả lại chị Lê Tuyết L số tiền: 20.977.000 đồng.
- Truy thu của anh Bùi Doãn S số tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.
- Truy thu của chị Lê Tuyết L số tiền 2.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Thanh X phải chịu 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS tx D;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo, đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Mạnh X Hải